

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thanh Trang

bà Đặng Thị Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về: “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Võ Thị Kim Đ; cư trú tại: tổ A, ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: anh WU B; cư trú tại: số C, thôn M, trấn V, huyện K, tỉnh P, Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Kim Đ trình bày: thông qua mai mối, chị và anh WU B kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc vào ngày 17/4/2013, có tổ chức đám cưới tại nhà anh WU B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung nhà với cha mẹ chồng. Trong quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do bất đồng ngôn ngữ, anh WU B nóng tính, những lúc cãi nhau anh thường đánh chị. Từ khi kết hôn, chị ở nhà, anh WU B không cho chị đi làm, cũng không cho đi đâu. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, khoảng tháng 5 năm 2016 chị về Việt Nam sống cho đến nay. Khi chị về Việt Nam anh WU B có điện thoại yêu cầu chị về

chung sống nhưng chị từ chối do vợ chồng chung sống cũng không hạnh phúc. Từ năm 2019 đến nay chị và anh WU B không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với WU B.

Về con chung: chị và anh WU B có một con chung tên WU J, sinh ngày 14/4/2014. Khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh WU B là bị đơn có quốc tịch Trung Quốc, tại thời điểm thụ lý vụ án, đang cư trú tại Trung Quốc. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định để tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh WU B là bị đơn. Trong đó, ấn định ngày mở phiên họp hòa giải, ngày mở phiên tòa. Tuy nhiên, anh WU B không có mặt để tham dự phiên tòa. Vì vậy, Tòa án giải quyết vắng mặt đối với anh theo quy định tại Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[2] Xét chị Võ Thị Kim Đ và anh WU B kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc nên đây là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài vì căn cứ xác lập quan hệ hôn nhân theo pháp luật nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ vào khoản 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[3] Nhận thấy chị Võ Thị Kim Đ và anh WU B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc vào năm 2013 nhưng không thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định tại Điều 48 và Điều 50 của Luật Hộ tịch và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành luật hộ tịch. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân

và Gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa chị Võ Thị Kim Đ và anh WU B không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị Võ Thị Kim Đ không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Võ Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: không công nhận chị Võ Thị Kim Đ và anh WU B là vợ chồng. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Võ Thị Kim Đ và anh WU B là vợ chồng.

2. Án phí: chị Võ Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 3320 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án chị Võ Thị Kim Đ được quyền kháng cáo. Anh WU B được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn